

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH GIA LAI** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 163/BC-HĐND

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2019

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra báo cáo và dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân  
tỉnh trình Kỳ họp thứ Mười một, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra dự thảo nghị quyết chuẩn bị Kỳ họp thứ Chín, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp thẩm tra các dự thảo Nghị quyết, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười một; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 28/11/2019 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh "Về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm, phương hướng, nhiệm  
vụ công tác năm 2020" trên lĩnh vực văn hóa, xã hội:**

**1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019**

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản nhất trí nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực văn hóa, xã hội. Báo cáo đã nêu khá đầy đủ và toàn diện về kết quả thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Giáo dục - Đào tạo; Y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin - Truyền thông, Phát thanh - Truyền hình; Lao động, Thương binh, Xã hội và công tác Tôn giáo.

Năm 2019, các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Bảy cơ bản đều đạt và vượt.

- Về Giáo dục - Đào tạo: Hoạt động dạy và học đảm bảo theo kế hoạch, chất lượng giáo dục được nâng lên, kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số được chú trọng; giáo dục vùng sâu vùng xa được quan tâm; huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; cơ sở trường, lớp, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được nâng cấp. Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2019 đạt 90,78%.

- Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cho nhân dân được chú trọng; công tác thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện thường xuyên; mạng lưới và nguồn lực y tế không ngừng được tăng cường, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; có 7,7 bác sĩ/vạn dân, 90% số xã có bác sĩ, 100% xã có nữ hộ sinh, tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế đạt 87,8%.

- Tỉnh tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế về khảo cổ học năm 2019; Hoạt động xúc tiến quảng bá hợp tác du lịch với các tỉnh lân cận và các tỉnh có ngành du lịch phát triển được quan tâm đẩy mạnh; các hoạt động kỷ niệm nhân ngày lễ và các sự kiện nổi bật của địa phương được tổ chức thiết thực tiết kiệm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong cải cách hành chính có chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng, các thiết bị thuộc mạng lưới bưu chính viễn thông hoạt động ổn định; hoạt động của báo chí, phát thanh, truyền hình có bước tiến bộ, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tiếp tục triển khai xây dựng đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”. Tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 91,54 thuê bao/100 dân; tỷ lệ sử dụng internet đạt 55,5%.

- Công tác an sinh xã hội, nhất là đối với đối tượng người có công được đảm bảo đúng đối tượng kịp thời theo quy định. Tổ chức trọng thể Lễ đón, truy điệu và an táng hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ ở Campuchia về nước; Lễ truy điệu và an táng hài cốt liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ tại thị xã An Khê. Công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện dự án đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động được tăng cường, chú trọng nhất là chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, đến cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh còn 7,04% hộ nghèo, giảm 3% so với năm 2018.

- Tạo điều kiện và giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân tham gia tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cần đánh giá thẳng thắn một số tồn tại, khó khăn được dư luận xã hội quan tâm đó là:

- Chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, còn quá chênh lệch so với vùng thuận lợi.

- Công tác y tế còn những bất cập, áp lực về công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân đối với các trung tâm y tế. Việc lạm dụng, trực lợi quỹ Bảo hiểm y tế còn xảy ra tại một số cơ sở khám chữa bệnh (*báo chí đã phản ánh thời gian qua*).

- Phát triển du lịch còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; công tác quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo, nhất là quảng cáo vặt còn nhiều bất cập.

- Công tác tuyên truyền chưa mang lại hiệu quả như mong muốn; tuyên truyền về an toàn thực phẩm còn hạn chế, chưa duy trì thường xuyên, chủ yếu tập trung tuyên truyền tại trung tâm huyện, xã.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở chăn nuôi, xí nghiệp chế biến mủ cao su còn xảy ra, gây bức xúc cho người dân trong khu vực.

- Tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy xảy ra trên địa bàn tỉnh ngày càng phức tạp và gia tăng; các vụ tự tử, đuối nước xảy ra nhiều.

- Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## 2. Về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020

Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất cao các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong năm 2020 trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo:

- Tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình, dự án về an sinh xã hội hiện có. Tăng đầu tư và đa dạng hóa các nguồn lực, các phương thức giảm nghèo, coi trọng hỗ trợ và khuyến khích người nghèo chủ động vươn lên thoát

nghèo, bảo đảm giảm nghèo vững chắc.

- Đẩy nhanh việc thực hiện Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) để công chức, viên chức và người lao động tại các trường yên tâm công tác. Sáp nhập các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp trên địa bàn tỉnh thành trường Cao đẳng Gia Lai, trên cơ sở đó tiến hành xin phép được mở các mã ngành đào tạo trình độ cao đẳng phù hợp để tiếp tục thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và có giải pháp cho Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai.

- Chú trọng đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, quan tâm phát triển trường phổ thông dân tộc bán trú vùng dân tộc thiểu số, đảm bảo giáo viên giảng dạy tại các cấp học.

- Tập trung triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, trong đó tiếp tục tuyên truyền thực hiện Luật Bảo hiểm y tế, tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; có chính sách thu hút bác sĩ về địa phương công tác, nhất là cấp huyện, xã. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cấp các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, củng cố và từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, khắc phục tình trạng quá tải ở tuyến tỉnh hiện nay. Tăng cường công tác y tế dự phòng; an toàn vệ sinh thực phẩm nhất là trong dịp tết nguyên đán. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình. Tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, huy động toàn xã hội chung sức xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững.

- Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, nhất là xử lý các vi phạm trong thực hiện chính sách đối với người có công; đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện tốt đề án dạy nghề cho lao động nông thôn, tập trung giải quyết việc làm cho người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động quảng cáo, nhất là tình trạng dán, treo bảng quảng cáo không đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hạn chế vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, nhất là tảo hôn; ngăn chặn các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy.

## **II. Đối với các dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười một**

### **1. Đối với dự thảo Nghị quyết “Quy định mức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế năm 2020 cho một số đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng” (Tờ trình 2460/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh)**

Trên cơ sở xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2460/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về “Quy định mức hỗ trợ mua bảo hiểm y tế năm 2020 cho một số đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng” là cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng với quy định của pháp luật.

- Nội dung của dự thảo nghị quyết đúng với đường lối, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

- Tuy nhiên, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị:

+ Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế quy định “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác, kể cả 20% kinh phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 của Luật bảo hiểm y tế (nếu có) xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này*” vì vậy Ban đề nghị tại Điều 1 ghi như sau:

STT	Đối tượng thụ hưởng	NSNN TW hỗ trợ theo quy định	Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương	Số còn lại đối tượng tự đóng
1	Người thuộc hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.	70%	30%	0%
2	Người thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt bảo hiểm y tế) theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.	70%	30%	0%
3	Học sinh, sinh viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ thuộc hộ gia đình có đồng con (từ 3 con trở lên), gặp khó khăn về kinh tế.	30%	20%	50%
4	Người thuộc hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.	30%	20%	50%

+ Tại Điều 2, bỏ cụm từ: “*cấp tỉnh, nguồn ngân sách cấp huyện*” và viết lại thành: “*Kinh phí thực hiện hỗ trợ mức đóng mua bảo hiểm y tế cho một số đối tượng được sử dụng từ 20% kinh phí quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế chưa sử dụng hết (nếu có), nguồn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác theo quy định*”.

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua.

## **2. Đối với dự thảo Nghị quyết “Về việc Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Gia Lai quản lý” (Tờ trình 2493/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh)**

Trên cơ sở xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2493/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, giải trình của các sở, ngành, ý kiến thảo luận của các thành viên Ban, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Ngày 13/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tuy nhiên, ngày 30/11/2018, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 37/2018/TT-BYT quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp. Tại Điều 4 của Thông tư 37/2018/TT-BYT quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc địa phương quản lý và quyết định mức giá cụ thể hoặc thực hiện áp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp,..*”. Vì vậy, Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến nay không còn phù hợp.

- Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Gia Lai quản lý” thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng với quy định của pháp luật.

- Nội dung của dự thảo nghị quyết đúng với chủ trương đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, cụ thể:

+ Khi điều chỉnh giá các dịch vụ y tế, người dân được sử dụng các dịch vụ kỹ thuật cao, có chất lượng; các cơ sở khám, chữa bệnh sẽ có điều kiện để đầu tư trang thiết bị, phục vụ người bệnh tốt hơn; Nhà nước có nguồn lực để tăng cường đầu tư cho y tế, góp phần nâng cao quyền lợi cho người bệnh; đồng thời để bình đẳng về giá, không phân biệt về giá giữa khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh không có bảo hiểm y tế và người bệnh có bảo hiểm y tế trong cùng một cơ sở khám chữa bệnh.

+ Tính đến 15/10/2019 số người tham gia bảo hiểm y tế của tỉnh Gia Lai là 1.307.709/1.513.874 người, chiếm 86,4%. Tỷ lệ người dân không tham gia bảo hiểm y tế phải thực hiện mức giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 37/2018/TT-BYT là 13,6%, chủ yếu là các đối tượng có mức sống từ trung bình trở lên, người sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi. Vì vậy, việc Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Gia Lai

quản lý sẽ khuyến khích các đối tượng trên tham gia bảo hiểm y tế tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tại Điều 3 khoản 2 đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế*” và ghi lại thành “*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI về việc quy định mức giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập do địa phương quản lý*”.

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua.

### **3. Đối với dự thảo Nghị quyết “Quyết định đặt tên công trình công cộng thuộc huyện Phú Thiện” (Tờ trình 2636/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh)**

Trên cơ sở xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2636/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, giải trình của UBND tỉnh, các ngành liên quan, ý kiến thảo luận của các thành viên Ban; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về việc “Quyết định đặt tên công trình công cộng thuộc huyện Phú Thiện” là cần thiết và đúng quy định, đúng thẩm quyền.

- Việc lấy ngày 30 tháng 3 (*ngày thành lập huyện Phú Thiện*) để đặt tên cho công trình công cộng trên địa bàn huyện Phú Thiện là ý nguyện của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trên địa bàn, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, từng bước chỉnh trang đô thị, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và yêu cầu phát triển - quy hoạch huyện Phú Thiện.

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị: tại Điều 1 ghi lại là: Quyết định đặt tên cho công trình công cộng tại tổ dân phố 4, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện là “**Quảng trường 30 tháng 3**”.

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua.

### **4. Đối với dự thảo Nghị quyết “Đặt tên đường trên địa bàn thành phố Pleiku” (Tờ trình 2635/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh)**

Trên cơ sở xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2635/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành liên quan, ý kiến thảo luận của các thành viên Ban; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về việc “Đặt tên đường trên địa bàn thành phố Pleiku” là cần thiết và đúng quy định, đúng thẩm quyền nhằm từng bước chỉnh trang đô thị, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, phù hợp với xu thế phát triển đô thị Pleiku hiện tại và trong tương lai..

- Nội dung dự thảo nghị quyết đúng với chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương; nội dung tên các tuyến đường là danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ, người có công với quê hương đất nước.

- Tuy vậy, Ban đề nghị chỉnh sửa một số nội dung như sau:

+ Số thứ tự 24 đường liên xã Diên Phú - Gào có chiều dài 9.600m, lộ giới hiện trạng 8-12m, đề xuất mở rộng 30m dự kiến đặt tên Trần Can (*đồng chí Trần Can là quân nhân quân đội Nhân dân Việt Nam và được truy tặng Anh hùng lực lượng Vũ trang Nhân dân*) là chưa phù hợp, chưa tương xứng với quy mô chiều dài, lộ giới của con đường, Ban đề nghị để lại đặt tên khác cho phù hợp.

+ Chưa đồng ý bỏ tên đường Trần Khắc Trân vì chưa có văn bản nào quy định bỏ tên đường đã được đặt tên.

+ Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị viết lại thành: Đặt tên đường thuộc thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, gồm 31 tuyến đường, điều chỉnh 06 tuyến đường.

+ Bảng quy mô, hiện trạng các tuyến đường dự kiến đặt tên tại thành phố Pleiku kèm theo dự thảo nghị quyết được ghi lại là: Danh sách tên đường được đặt tên tại thành phố Pleiku (*Ghi số thứ tự, tên đường, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng*).

Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua.

**5. Đối với dự thảo Nghị quyết “Quy định hỗ trợ, đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai” (Tờ trình 2639/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh)**

Trên cơ sở xem xét dự thảo Nghị quyết và Tờ trình số 2639/TTr-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, ý kiến thảo luận của các thành viên Ban; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về “Quy định hỗ trợ, đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai” là cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng với quy định của pháp luật.

- Nội dung của dự thảo nghị quyết đúng với chủ trương đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai.

- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo nghị quyết: Bổ sung thêm đối tượng “người chưa thành niên” so với quy định - khoản 2 Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ- CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP) và Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo nghị quyết: Quy định hỗ trợ 100% (tăng 5% so với Quy định mục a khoản 3 Điều 48a Nghị định số 135/2004/NĐ-CP) là phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và tình hình kinh tế, xã hội của địa phương và thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Không đồng ý hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai.

- Bỏ Điều 1 và Điều 2, quy định về đối tượng và phạm vi điều chỉnh là cần

thiết; bởi vì bản chất tiêu đề của dự thảo Nghị quyết và nội dung được ghi tại các Điều 3, 4, 5 trong dự thảo đã phản ánh đầy đủ về đối tượng và phạm vi điều chỉnh.

- Không nhất trí đề nghị mức chi trợ cấp đặc thù bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh, mức đề nghị như trên là quá cao so với quy định (*tối thiểu bằng 500.000đồng/người/tháng*) tại Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ; Ban đề nghị: “**mức chi trợ cấp đặc thù đối với đối tượng này là 700.000đồng/người/tháng** (cao hơn mức quy định là 200.000đồng).

- Dựa cụm từ “Trừ các đối tượng đã nêu tại Mục 2, Điều 3” của dự thảo Nghị quyết vào trong ngoặc đơn, có nghĩa để giải thích thêm; Bởi vì đối tượng này đã được ngân sách nhà nước hộ trợ 100% ghi tại Mục 2, Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết.

- Tại tờ trình số 2639/TTr-UBND có ghi hỗ trợ chở ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh nhưng trong dự thảo Nghị quyết không ghi nội dung trên, Ban đề nghị bổ sung nội dung trên vào dự thảo Nghị quyết

- Từ những lý do trên, Ban đề nghị chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết gồm có 4 điều, như sau:

+ **Điều 1. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Gia Lai).**

1. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ và 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy đối với các đối tượng sau:

a) Thương binh.

b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

c) Người thuộc hộ nghèo.

d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

đ) Trẻ em mồ côi.

e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

g) Người chưa thành niên.

3. Hỗ trợ chở ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

a. Đóng góp 30% chi phí tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân theo định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp

xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b. Đóng góp 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (*bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS*) theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ và 100% chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy (*trừ các đối tượng đã nêu tại Mục 2, Điều 1 Nghị quyết này*).

c. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/tháng.

d. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

đ. Cơ sở vật chất: 100.000 đồng/người/tháng.

e. Chi phí phục vụ, quản lý 500.000 đồng/người/tháng.

#### **Điều 3. Trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động**

Chi trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh (*quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ*) là 700.000 đồng/người/tháng.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức, người lao động tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viễn dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày... tháng... năm 2019 và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm ..../.

- Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra báo cáo và các dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Kỳ họp thứ Mười một, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, xã hội; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Mười một xem xét, quyết định./. *Phạm*

##### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu VT-VHXH (Vinh180).

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Bảo Ngân